

Số: 2090/QĐ-SYT

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2065 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Biên bản họp Tổ thư ký thẩm định hồ sơ cấp mới, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của Sở Y tế Thái Nguyên ngày 10/9/2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới 25 giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; Cấp lại 02 giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y và các ông, bà có tên tại Điều 1 thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (T/hiện);
- Lãnh đạo SYT (B/cáo);
- BP tiếp nhận và trả KQ TTHC (Uyên);
- Website SYT;
- Lưu: VT, NVY (Hieult).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Tiêu Thị Vân Hạnh

DANH SÁCH CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(kèm theo Quyết định số 1/QĐ-SYT ngày 10/9/2026 của Giám đốc Sở Y tế Thái Nguyên về việc cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Số Căn cước công dân	Chức danh chuyên môn	Số GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời hạn giấy phép	Loại cấp
1	NGUYỄN VĂN HÒA	25/3/1973	Thôn Trung Yên, xã Mê Linh, thành phố Hà Nội	001073070197	Bác sĩ	001894	Y khoa	10/9/2031	Cấp lại do thu hồi
2	VŨ THỊ THANH HUYỀN	21/02/1986	Tổ 8, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	019186001773	Điều dưỡng	001918	Điều dưỡng	10/9/2031	Cấp lại do bị hỏng
3	DƯƠNG THỊ LIÊN	17/3/2001	Xóm Phương Độ 1, xã Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	019301003830	Bác sĩ	001919	Y khoa	10/9/2031	Cấp mới
4	NGUYỄN QUANG TUẤN	15/8/1995	Tổ 3, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	040095018148	Bác sĩ	001920	Y khoa	10/9/2031	Cấp mới
5	NGUYỄN ĐỖ ANH QUÂN	11/8/2002	Tổ 25, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	019202008768	Điều dưỡng	001921	Điều dưỡng	10/9/2031	Cấp mới
6	NÔNG THỊ MAI	25/11/2001	Thôn Nà Vàng, xã Vân Sơn, tỉnh Bắc Ninh	024301010586	Bác sĩ	001922	Y khoa	10/9/2031	Cấp mới
7	MA THỊ MẠNH	05/02/2001	Thôn Minh Đức, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang	008301003801	Bác sĩ	001923	Y khoa	10/9/2031	Cấp mới
8	DƯƠNG VĂN PHÚ	18/7/1992	Xóm Làng Mươi, xã Dân Tiến, tỉnh Thái Nguyên	019092009705	Kỹ thuật y	001924	Phục hồi chức năng	10/9/2031	Cấp mới
9	LỤC NHƯ QUỲNH	09/3/2000	Thôn Nà Ngò, xã Thượng Minh, tỉnh Thái Nguyên	006300001778	Bác sĩ	001925	Y học cổ truyền	10/9/2031	Cấp mới
10	DƯƠNG THỊ THÙY LINH	17/6/2001	Tổ 19, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	019301008466	Bác sĩ	001926	Y khoa	10/9/2031	Cấp mới
11	VŨ THỊ HỒNG	26/01/1996	Thôn An Xá, xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên	033196000180	Điều dưỡng	001927	Điều dưỡng	10/9/2031	Cấp mới

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Số Căn cước công dân	Chức danh chuyên môn	Số GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời hạn giấy phép	Loại cấp
12	LƯƠNG THỊ BAY	05/12/1994	Xóm Na Lãng, xã Hợp Thành, tỉnh Thái Nguyên	019194005596	Bác sĩ	001928	Y học cổ truyền	10/9/2031	Cấp mới
13	NGUYỄN HỮU VƯƠNG	27/9/2001	Thôn An Lại, xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng	030201007098	Y sĩ	001929	Đa khoa	10/9/2031	Cấp mới
14	TRƯƠNG THỊ HUỆ	23/12/2004	Xóm Tân Thái, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên	019304004509	Điều dưỡng	001930	Điều dưỡng	10/9/2031	Cấp mới
15	LƯU HỒNG MINH	27/02/1997	Xóm Sơn Tập, xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên	019097010304	Bác sĩ	001931	Y học cổ truyền	10/9/2031	Cấp mới
16	NGUYỄN THỊ XUÂN	12/12/1996	Xóm An Thành, xã Thần Sa, tỉnh Thái Nguyên	019196009266	Hộ sinh	001932	Hộ sinh	10/9/2031	Cấp mới
17	ĐOÀN LÊ PHƯƠNG THẢO	08/12/2004	Tổ 10, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	019304002167	Điều dưỡng	001933	Điều dưỡng	10/9/2031	Cấp mới
18	LÊ THỊ THÀNH	11/6/1986	Tổ 9, phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	019186009510	Y sĩ	001934	Y học cổ truyền	10/9/2031	Cấp mới
19	TRẦN THỊ TRÀ MY	20/3/1997	Tổ 3, phường Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên	006197000040	Bác sĩ	001935	Y học cổ truyền	10/9/2031	Cấp mới
20	NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN	30/10/2003	Tổ 60, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	019203005959	Y sĩ	001936	Đa khoa	10/9/2031	Cấp mới
21	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	26/5/2000	Khối 9, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	020200005062	Bác sĩ	001937	Y khoa	10/9/2031	Cấp mới
22	ĐOÀN NGỌC TÙNG	30/7/1994	Xóm Gò Lớn, xã Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	019094008162	Y sĩ	001938	Đa khoa	10/9/2031	Cấp mới
23	DƯƠNG TẠ ĐỨC ANH	11/10/2000	Xóm Quỳên, xã Phú Xuyên, tỉnh Thái Nguyên	019300002367	Bác sĩ	001939	Y học cổ truyền	10/9/2031	Cấp mới
24	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	17/12/2001	Tổ 21, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	019301008302	Bác sĩ	001940	Y khoa	10/9/2031	Cấp mới

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Số Căn cước công dân	Chức danh chuyên môn	Số GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời hạn giấy phép	Loại cấp
25	VŨ QUÝ ANH	19/7/2001	Xóm Phố Hích, xã Văn Lãng, tỉnh Thái Nguyên	019201000230	Bác sĩ	001941	Y học cổ truyền	10/9/2031	Cấp mới
26	BẾ NGỌC QUỲNH	24/4/1999	Tổ 3, phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên	019199000110	Bác sĩ	001942	Y khoa	10/9/2031	Cấp mới
27	HÀ PHẠM MINH HUYỀN	23/9/2001	Tổ 6, phường Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên	006301000028	Bác sĩ	001943	Y học cổ truyền	10/9/2031	Cấp mới
Tổng số: 27 cá nhân									

